

ĐỀ ÔN TẬP TOÁN LỚP 2 LÊN LỚP 3 - CHUYÊN ĐỀ: SO SÁNH SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số gồm 4 trăm, 8 chục và 5 đơn vị viết là:

- A. 485 B. 458 C. 845 D. 584

Câu 2: Số gồm 9 trăm và 3 đơn vị viết là:

- A. 93 B. 903 C. 309 D. 930

Câu 3: Số 561 đọc là:

- A. Năm sáu một B. Năm trăm sáu mươi C. Năm trăm sáu một D. Năm trăm sáu mươi một

Câu 4: Số gồm 3 trăm và 4 đơn vị đọc là:

- A. Ba trăm bốn mươi B. Ba trăm linh bốn C. Ba trăm bốn D. Ba mươi bốn

Câu 5: Số liền trước của số 250 là:

- A. 249 B. 251 C. 240 D. 260

Câu 6: Số liền trước của số 400 là:

- A. 399 B. 389 C. 398 D. 401

Câu 7: Số liền sau của số 889 là:

- A. 888 B. 890 C. 880 D. 900

Câu 8: 754 lớn hơn số nào trong các số dưới đây?

- A. 761 B. 699 C. 800 D. 901

Câu 9: Trong các số: 82, 64, 88, 42; số nhỏ nhất là:

- A. 82 B. 64 C. 88 D. 42

Câu 10: Trong các số: 862, 915, 902, 883; số lớn nhất là:

- A. 862 B. 915 C. 902 D. 883

Câu 11: Các số 702, 615, 495, 876 sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 876, 702, 615, 495 B. 876, 702, 495, 615 C. 495, 615, 702, 876 D. 495, 702, 615, 876

Câu 12: Từ 600 đến 700 có tất cả bao nhiêu số tròn chục?

- A. 9 số B. 10 số C. 11 số D. 12 số

II. Phần tự luận.

Bài 1: Điền vào chỗ trống:

- Số gồm 4 trăm, 7 chục và 9 đơn vị. • Số gồm 7 trăm và 5 đơn vị.
• Số gồm 2 trăm, 2 chục và 1 đơn vị. • Số gồm 5 trăm và 8 chục.

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

- Số lớn nhất có 2 chữ số là: • Số nhỏ nhất có 2 chữ số là:
• Số lớn nhất có 3 chữ số là: • Số nhỏ nhất có 3 chữ số là:
• Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là: • Số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau là:
• Số tròn chục nhỏ nhất có 3 chữ số là: • Số tròn chục lớn nhất có 3 chữ số là:
• Từ 100 đến 1000 có tất cả số tròn trăm. Đó là các số:

Từ 800 đến 900 có tất cả số tròn chục. Đó là các số:

Bài 3: Điền số thích hợp vào ô trống trên tia số:

